

Bản án số: 02/2025/DS-ST

Ngày: 06 - 02 - 2025

"T/c hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Văn Tới

- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Phạm Ngọc Thanh

2. Bà Phạm Thị Hoa

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Nhung, Thư ký
Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:** Ông
Phạm Hoàng Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 2 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1954, bà Lê Thị H, sinh năm 1956. Cùng địa chỉ: ấp V, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

* Bị đơn: Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Văn C, bà Lê Thị H trình bày:** Vào ngày 09/8/2021 âm lịch ông Huỳnh Văn S có hỏi vay của ông C, bà H 400.000.000 đồng, khi vay ông S có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 794291, sổ vào sổ CS 168250, sổ thửa 03, tờ bản đồ 138-2016, diện tích 19.482,4 m², do Sở T cấp ngày 09/3/2021 ghi tên Huỳnh Thanh S1, thời hạn vay là 03 năm (đến ngày 09/8/2024 âm lịch là hết hạn), lãi suất 0,8 %/tháng, ông S1 có trả lãi suất 02 năm bằng 76.800.000 đồng,

Ngày 15/2/2023 ông S1 mượn 74.000.000 đồng, ông S1 có gửi trả 1.000.000 đồng còn lại 73.000.000 đồng đến nay chưa trả; ngày 09/9/2023 ông S1 mượn 48.400.000 đồng và ông S1 có trả được 16.000.000 đồng, còn lại 32.400.000 đồng

ông S1 chưa trả; ngày 22/9/2023 ông S1 mượn 25.000.000 đồng, ông S1 hứa 01 tháng trả lại nhưng đến nay chưa trả.

Tổng số tiền ông S1 còn nợ là 568.800.000 đồng, trong đó tiền vay gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 38.400.000 đồng, tiền mượn là 130.400.000 đồng.

Ông C, bà H yêu cầu tuyên bố hợp đồng vay tài sản ngày 09/8/2021 là vô hiệu, yêu cầu buộc ông S1 trả lại 568.800.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn C và bà Lê Thị H xin rút lại yêu cầu tuyên bố hợp đồng vay tài sản ngày 09/8/2021 là vô hiệu; yêu cầu ông Huỳnh Văn S trả cho ông bà tổng số tiền là 568.800.000 đồng; ông bà trả lại cho ông S 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 794291, sổ vào sổ CS 168250, sổ thửa 03, tờ bản đồ 138-2016, diện tích 19.482,4 m², do Sở T cấp ngày 09/3/2021 ghi tên Huỳnh Thanh S1 sau khi ông S1 trả đủ tiền cho ông bà.

**** Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Văn S vắng mặt nên không có lời trình bày.***

- Kiểm sát viên phát biểu:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án xác định đúng mối quan hệ pháp luật tranh chấp; Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các vị Hội thẩm, Thư ký, nguyên đơn, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn C, bà Lê Thị H. Đình chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng vay tài sản ngày 09/8/2021 là vô hiệu; buộc ông Huỳnh Văn S trả cho ông C, bà H tổng số tiền là 568.800.000 đồng; buộc ông C, bà H trả lại cho ông S 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 794291, sổ vào sổ CS 168250, sổ thửa 03, tờ bản đồ 138-2016, diện tích 19.482,4 m², do Sở T cấp ngày 09/3/2021 ghi tên Huỳnh Thanh S1 sau khi ông C, bà H nhận đủ số tiền là 568.800.000 đồng.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục Tố tụng: Ông Lê Văn C, bà Lê Thị H khởi kiện đối với ông Huỳnh Văn S về việc vay tài sản, khi vay ông S có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Huỳnh Thanh S1. Tài liệu kèm theo đơn khởi kiện có đơn xin xác nhận và đã được Công an xã Đ xác nhận ông Huỳnh Văn S có sổ giấy chứng minh nhân dân 371773653. Đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 794291, sổ vào sổ CS 168250, sổ thửa 03, tờ bản đồ 138-2016, diện tích 19.482,4 m², do Sở T cấp ngày 09/3/2021 ghi tên Huỳnh Thanh S1 có sổ giấy chứng minh nhân dân 371773653. Như vậy có đủ cơ sở xác định Huỳnh Thanh S1 và Huỳnh Văn S là cùng 01 người.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Huỳnh Văn S thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự (vắng mặt), nên vụ án được xác định thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ngày 02/01/2025 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, ông Huỳnh Văn S vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Huỳnh Văn S nhưng ông Huỳnh Văn S vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh Văn S theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định mối quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

[3] Về nội dung tranh chấp: Theo tài liệu, chứng cứ mà ông Lê Văn C, bà Lê Thị H đã nộp kèm theo đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được thì xác định được vào ngày 09/8/2021 âm lịch ông Huỳnh Văn S có hỏi vay của ông C, bà H 400.000.000 đồng, khi vay ông S có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 794291, số vào sổ CS 168250, số thửa 03, tờ bản đồ 138-2016, diện tích 19.482,4 m², do Sở T cấp ngày 09/3/2021 ghi tên Huỳnh Thanh S1, thời hạn vay là 03 năm (theo hợp đồng thỏa thuận vay tiền ngày 09/8/2021 âm lịch), thời hạn vay là 03 năm (đến ngày 09/8/2024 âm lịch là hết hạn), lãi suất 0,8 %/tháng. Ngoài ra, vào Ngày 15/2/2023 ông S1 vay 74.000.000 đồng; ngày 09/9/2023 ông S1 vay 48.400.000 đồng; ngày 22/9/2023 ông S1 vay 25.000.000 đồng, các lần vay này ông S1 đều có viết giấy mượn nợ đối với ông C, bà H và không thỏa thuận về lãi suất vay. Như vậy, tổng số tiền ông S1 vay của ông C, bà H là 547.400.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, ông S1 đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho ông C, bà H 02 lần là 17.000.000 đồng và lãi suất 02 năm của phần nợ gốc 400.000.000 đồng là 76.800.000 đồng. Như vậy, ông S1 còn nợ đối với ông C, bà H tổng số tiền nợ gốc là 530.400.000 đồng (547.400.000đ - 17.000.000 đ) và lãi suất 01 năm (năm 2024) của phần nợ gốc 400.000.000 đồng là 38.400.000 đồng. Tổng cộng là 568.800.000 đồng, Trong đó, nợ gốc là 530.400.000 đồng, nợ lãi là 38.400.000 đồng.

Xét về lãi suất: Ông Lê Văn C và bà Lê Thị H thỏa thuận cho vay và đã thu lãi đối với ông Huỳnh Văn S với mức lãi suất 0,8 %/tháng là không vượt mức lãi suất theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không cần thiết phải điều chỉnh. Tại phiên tòa ông C, bà H không tiếp tục yêu cầu ông S trả lãi suất phát sinh nên Hội đồng xét xử không xét.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn C và bà Lê Thị H xin rút yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Xét thấy việc nguyên đơn xin rút yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, sau khi thảo luận, nghị bàn Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông Lê Văn C và bà Lê Thị H và đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu; Buộc ông Huỳnh Văn S trả cho ông Lê Văn C và bà Lê Thị H 568.800.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 530.400.000 đồng và lãi suất 01 năm (năm 2024) của phần nợ gốc 400.000.000 đồng là 38.400.000 đồng. Buộc ông Lê Văn C và bà Lê Thị H trả lại cho ông Huỳnh Văn S 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 794291, sổ vào sổ CS 168250, sổ thửa 03, tờ bản đồ 138-2016, diện tích 19.482,4 m², do Sở T cấp ngày 09/3/2021 ghi tên Huỳnh Thanh S1, sau khi ông S1 trả hết nợ cho ông C, bà H.

[4]. Về án phí: Bị đơn ông Huỳnh Thanh S1 bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.752.000 đồng (20.000.000 đồng + 4% x 168.800.000 đồng); nguyên đơn ông Lê Văn C và bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn C và bà Lê Thị H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm nên không phải hoàn trả lại.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C và bà Lê Thị H. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

Buộc ông Huỳnh Văn S trả cho ông Lê Văn C và bà Lê Thị H nợ vay là 568.800.000 đồng (*năm trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng*). Trong đó nợ gốc là 530.400.000 đồng và nợ lãi là 38.400.000 đồng.

Buộc ông Lê Văn C và bà Lê Thị H trả lại cho ông Huỳnh Văn S 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 794291, sổ vào sổ CS 168250, sổ thửa 03, tờ bản đồ 138-2016, diện tích 19.482,4 m², do Sở T cấp ngày 09/3/2021 ghi tên Huỳnh Thanh S1, sau khi ông S1 trả hết nợ cho ông C, bà H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn S chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.752.000 đồng; nguyên đơn ông Lê Văn C và bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn C và bà Lê Thị H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm nên không phải hoàn trả lại.

Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai, ông Lê Văn C và bà Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; ông Huỳnh Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện AM;
- Chi cục THADS huyện AM;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

